TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ	*PH, ngày 20 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn CT, xã HĐT, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn CT, xã HĐT, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị K có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 24/02/2020 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 16/01/2023. Khi ly hôn, ông T và bà K thống nhất giao 02 con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*)/tháng/01 người con, nghĩa vụ cấp

dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010306 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện PH;
- UBND HĐT (Giấy CNKH số 64, ngày 07/11/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Minh Nhật